

Số: 090/2017/ORS-CV

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Mã chứng khoán: **ORS**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.3911 8014

Fax: 08.2220 1209

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Trát Minh Phương

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.3911 8014

Fax: 08.2220 1209

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên 2017 và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước; số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/08/2017 tại đường dẫn:

<http://www.ors.com.vn/25/detail/1/cong-bo-thong-tin/2203/ors-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-2017-va-bao-cao-ti-le-an-toan-tai-chinh-tai-ngay-30062017-da-duoc-kiem-toan.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. ORS_BCTC BANNIEN 2017
2. ORS_BC ATTC BANNIEN 2017
3. ORS_CV093/2017 Giải trình biến động lợi nhuận & KQKD



Người được ủy quyền CBTT

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIÊN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>		
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	18/01/2017
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	20/6/2016
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	18/01/2017
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	20/6/2016
Ông Vũ Hải Bình	Thành viên độc lập	20/6/2016
<u>Ban kiểm soát</u>		
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	20/6/2016
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	20/6/2016
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	20/6/2016
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	18/01/2017
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



DIỆP TRÍ MINH - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 48 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo này các vấn đề sau:

- Khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ VND (xem Thuyết minh số V.1) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từ năm 2011. Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 01 năm 2015, TAND tối cao đã tuyên bản án Hình sự phúc thẩm, theo đó, HĐXX đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội tham ô tài sản" và hủy một phần bản án Hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công an điều tra, truy tố xét xử lại. Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo của vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản tiền gửi này.
- Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn còn ghi nhận giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết từ ngày 28 tháng 6 năm 2016 đến ngày 16 tháng 9 năm 2016 với giá trị là 14.300.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.3a) và khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công ích Miền Nam từ ngày 13 tháng 10 năm 2016 với giá trị là 7.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.4) chiếm 31,08% vốn chủ sở hữu và vượt qui định về hạn chế đầu tư 20% theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về Thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 210/2012/TT-BTC.

Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà có ý kiến khác nhau về các vấn đề này.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B01a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		446.193.825.642	448.486.377.881
I. Tài sản tài chính	110		445.744.116.199	448.370.604.337
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	401.188.596.234	398.845.436.896
1.1. Tiền	111.1		4.188.596.234	15.845.436.896
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		397.000.000.000	383.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	20.970.528.680	20.448.047.820
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	14.000.000.000	21.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.3c	727.909.927	183.312.295
5. Các khoản phải thu	117		39.359.133.779	39.320.327.669
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	37.960.206.284	38.393.606.284
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4b	1.398.927.495	926.721.385
5.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		567.326.941	567.326.941
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		831.600.554	359.394.444
6. Trả trước cho người bán	118	V.4c	161.770.000	18.250.100
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4d	129.611.872	43.962.054
8. Các khoản phải thu khác	122	V.4e	7.775.628.931	7.080.330.727
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.5	(38.569.063.224)	(38.569.063.224)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		449.709.443	115.773.544
1. Tạm ứng	131		31.500.000	84.303.140
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6a	418.209.443	31.470.404
			-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		6.083.240.844	6.751.771.214
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		864.805.507	1.226.125.893
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	740.912.169	910.512.557
Nguyên giá	222		4.871.484.295	4.871.484.295
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.130.572.126)	(3.960.971.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	123.893.338	315.613.336
Nguyên giá	228		7.174.617.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.050.724.226)	(6.859.004.228)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		5.218.435.337	5.525.645.321
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9	306.387.800	616.857.560
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6b	1.131.554.479	1.252.478.577
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.10	3.780.493.058	3.656.309.184
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		452.277.066.486	455.238.149.095

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		383.754.059.010	383.651.003.707
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		383.754.059.010	383.651.003.707
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.11	380.000.000.000	380.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	135.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.12	313.066.854	199.458.888
4. Phải trả người lao động	323		37.011.367	4.470.641
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		13.242.560	175.500
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.13	571.571.252	492.431.701
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.14	2.818.932.859	2.819.232.859
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		234.118	234.118
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		68.523.007.476	71.587.145.388
I. Vốn chủ sở hữu	410		68.523.007.476	71.587.145.388
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	290.000.000.000	290.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		240.000.000.000	240.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	411.1a		240.000.000.000	240.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.047.890.198	1.047.890.198
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.16	(222.524.882.722)	(219.460.744.810)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(220.114.813.131)	(212.228.800.462)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	417.2		(2.410.069.591)	(7.231.944.348)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		452.277.066.486	455.238.149.095

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.15	24.000.000	24.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.17a	5.270.470.000	5.631.410.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.17b	14.000.000.000	14.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.17c	654.957.560.000	616.252.140.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		421.468.510.000	404.122.200.000
d. Tài sản tài chính phòng tỏa, tạm giữ	021.4		211.758.650.000	211.379.040.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		21.730.400.000	750.900.000
5. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	V.17d	22.445.000.000	2.227.400.000
6. Tiền gửi của khách hàng	026	V.17e	21.592.308.157	19.770.973.450
6.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		21.592.308.157	19.770.973.450
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.17f	21.592.308.157	19.770.973.450
7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		21.518.046.538	19.743.175.885
7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		74.261.619	27.797.565
8. Phải trả có tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.17g	1.797.395.359	1.797.395.359



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

DIỆP TRI MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MÃU B02a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		5.156.299.963	4.336.584.713
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VI.1	261.771.746	265.972.571
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	VI.2	4.852.225.217	4.030.479.542
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	VI.3	42.303.000	40.132.600
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	872.228.773	1.144.728.120
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.3	95.664.466	4.606.208
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.4	1.412.478.652	811.892.968
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.4	160.541.927	170.060.495
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.4	401.363.636	184.676.724
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.4	20.440.462	8.417.728
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		8.119.017.879	6.660.966.956
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		4.718.480.103	6.703.158.400
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	VI.1	4.688.129.643	3.056.710.000
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	VI.2	30.350.460	3.646.448.400
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	(2.500.000.000)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.5	643.422.170	820.813.643
2.4. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.5	1.779.122.249	1.814.850.616
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.5	131.495.976	248.637.902
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.5	363.685.158	152.374.941
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		7.636.205.656	7.239.835.502
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.6	354.364.802	271.686.412
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		354.364.802	271.686.412
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		-	42.600.000
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		-	42.600.000
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.7	3.767.714.584	4.540.580.000
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		(2.930.537.559)	(4.890.362.134)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71		142.717.104	1.687.852
8.2. Chi phí khác	72		276.317.457	260.850
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.8	(133.600.353)	1.427.002
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(7.886.012.669)	(5.272.966.274)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		4.821.874.757	384.031.142
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.9	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.9	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		-	-
13.1. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.10a	(128)	(204)
13.2. Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.10b	(128)	(204)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B03b-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(257.324.613)	(5.707.366.484)
- Khấu hao TSCĐ	03		361.320.386	477.289.648
- Các khoản dự phòng	04		-	(5.632.272.800)
- Dự thu tiền lãi	08		(618.644.999)	(552.383.332)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		30.350.460	3.646.448.400
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		30.350.460	3.646.448.400
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(4.852.225.217)	(4.030.479.542)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(4.852.225.217)	(4.030.479.542)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		10.486.496.620	3.779.074.487
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		4.299.393.897	(4.997.358.571)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		7.000.000.000	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(544.597.632)	404.545.062
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		433.400.000	6.087.158.000
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		146.438.889	4.403.160.956
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(220.649.818)	(31.290.358)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(695.298.204)	(1.966.324.426)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		239.089.026	216.639.473
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		79.139.551	(325.959.893)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(265.814.941)	(266.320.623)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(143.519.900)	693.600.000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		13.067.060	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		113.607.966	(87.625.172)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		32.540.726	(331.143.000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(300.000)	(20.006.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		2.343.159.338	(7.201.258.271)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(161.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	(161.600.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		-	7.000.000.000
Tiền vay khác	73.2		-	7.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(3.000.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	4.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		2.343.159.338	(3.362.858.271)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	398.845.436.896	402.560.414.632
- Tiền	101.1		15.845.436.896	1.560.414.632
- Các khoản tương đương tiền	101.2		383.000.000.000	401.000.000.000
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	401.188.596.234	399.197.556.361
- Tiền	103.1		4.188.596.234	4.197.556.361
- Các khoản tương đương tiền	103.2		397.000.000.000	395.000.000.000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		329.376.361.100	274.596.928.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(342.247.157.900)	(196.008.466.400)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		198.436.261.304	124.675.572.323
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(183.585.945.667)	(195.114.631.512)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(158.184.130)	(167.070.184)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		1.821.334.707	7.982.332.627
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.17e	19.770.973.450	14.972.233.525
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		19.770.973.450	14.972.233.525
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		<i>19.770.973.450</i>	<i>14.972.233.525</i>
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	V.17e	21.592.308.157	22.954.566.152
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		21.592.308.157	22.954.566.152
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		<i>21.592.308.157</i>	<i>22.954.566.152</i>



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B04a-CJCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017		30/6/2016	30/6/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.15	290.000.000.000	290.000.000.000	-	-	-	-	290.000.000.000	290.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.16	(205.956.521.764)	(219.460.744.810)	384.031.142	(5.272.966.274)	4.821.874.757	(7.886.012.669)	(210.845.456.896)	(222.524.882.722)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)		(201.433.273.016)	(212.228.800.462)	-	(5.272.966.274)	-	(7.886.012.669)	(206.706.239.290)	(220.114.813.131)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện		(4.523.248.748)	(7.231.944.348)	384.031.142	-	4.821.874.757	-	(4.139.217.606)	(2.410.069.591)
		85.091.368.434	71.587.145.388	384.031.142	(5.272.966.274)	4.821.874.757	(7.886.012.669)	80.202.433.302	68.523.007.476



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

DIỆP TRI MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên tiếng nước ngoài là Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 70/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

• **Vốn pháp định** : 135.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 240.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3914 4290

Fax : (84-08) 3914 2295

Mã số thuế : 0304814339

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 30 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 thuộc kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về "Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210", các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục "Chi phí hoạt động".

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê hoạt động

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đường truyền dẫn và chi phí khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ BHXH thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng BHXH cho mỗi nhân viên bằng 18% mức lương tham gia BHXH hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho BHXH hàng tháng.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng BHTN với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng BHTN của những người tham gia BHTN và 1% tiền lương, tiền công tháng đóng BHTN của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

15. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

16. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	31/12/2016
Tiền	4.188.596.234	15.845.436.896
Tiền mặt tại quỹ	6.635.356	3.054.412
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	4.181.960.878	15.842.382.484
Các khoản tương đương tiền (i)	397.000.000.000	383.000.000.000
<i>Trong đó, tiền gửi kỳ hạn ngân hàng quá hạn (ii)</i>	<i>380.000.000.000</i>	<i>380.000.000.000</i>
Cộng	401.188.596.234	398.845.436.896

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5% /năm (năm 2016: 5,5%/năm).
- (ii) Đây là khoản tiền liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 01 năm 2015, TAND tối cao đã tuyên bản án Hình sự phúc thẩm, theo đó, HDXX đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội tham ô tài sản" và hủy một phần bản án Hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công an điều tra, truy tố xét xử lại. Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo của vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản tiền gửi này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của CTCK	1.674.100	26.053.439.600
Cổ phiếu	1.674.100	26.053.439.600
b) Của Nhà đầu tư	48.758.458	596.681.168.300
Cổ phiếu	48.758.458	596.681.168.300
Cộng	50.432.558	622.734.607.900

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	9.080.598.271	6.700.528.680	13.379.992.168	6.148.047.820
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.417.453.400	1.870.000.000	12.083.034.300	4.882.500.000
Công ty Cổ phần Chân nuôi Việt Nam	271.831.982	262.350.000	1.282.226.329	1.260.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.141.000.000	1.170.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	610.000.000	640.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	1.593.750.000	1.612.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.031.518.750	1.137.600.000	-	-
Khác	15.044.139	8.078.680	14.731.539	5.547.820
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	14.300.000.000	14.270.000.000	14.300.000.000	14.300.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	2.970.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	23.380.598.271	20.970.528.680	27.679.992.168	20.448.047.820

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết 14.300.000.000 VND và khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công ích Miền Nam 7.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.4) chiếm 31,08% vốn chủ sở hữu và vượt qui định về hạn chế đầu tư 20% theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về Thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 210/2012/TT-BTC.

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Bản Việt	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	7.000.000.000
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 7,4%/năm (năm 2016: từ 6,4%/năm đến 7,4%/năm).

c) Các khoản cho vay

	<u>30/6/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	727.909.927	727.909.927	183.312.295	183.312.295
Cộng	<u>727.909.927</u>	<u>727.909.927</u>	<u>183.312.295</u>	<u>183.312.295</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

	30/6/2017					31/12/2016				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm (i)	
<i>Tài sản tài chính FVTPL</i>	23.380.598.271	20.970.528.680	186.160.117	(2.596.229.708)	20.970.528.680	27.679.992.168	20.448.047.820	-	(7.231.944.348)	20.448.047.820
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	9.080.598.271	6.700.528.680	186.160.117	(2.566.229.708)	6.700.528.680	13.379.992.168	6.148.047.820	-	(7.231.944.348)	6.148.047.820
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.417.453.400	1.870.000.000	-	(2.547.453.400)	1.870.000.000	12.083.034.300	4.882.500.000	-	(7.200.534.300)	4.882.500.000
Công ty Cổ phần Chân nuôi Việt Nam	271.831.982	262.350.000	-	(9.481.982)	262.350.000	1.282.226.329	1.260.000.000	-	(22.226.329)	1.260.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.141.000.000	1.170.000.000	29.000.000	-	1.170.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	610.000.000	640.000.000	30.000.000	-	640.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	1.593.750.000	1.612.500.000	18.750.000	-	1.612.500.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.031.518.750	1.137.600.000	106.081.250	-	1.137.600.000	-	-	-	-	-
Khác	15.044.139	8.078.680	2.328.867	(9.294.326)	8.078.680	14.731.539	5.547.820	-	(9.183.719)	5.547.820
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	14.300.000.000	14.270.000.000	-	(30.000.000)	14.270.000.000	14.300.000.000	14.300.000.000	-	-	14.300.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	2.970.000.000	-	(30.000.000)	2.970.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
<i>Các khoản đầu tư HTM</i>	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2017					31/12/2016				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm (i)	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
<i>Các khoản cho vay</i>	<i>727.909.927</i>	<i>727.909.927</i>	-	-	<i>727.909.927</i>	<i>183.312.295</i>	<i>183.312.295</i>	-	-	<i>183.312.295</i>
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	727.909.927	727.909.927	-	-	727.909.927	183.312.295	183.312.295	-	-	183.312.295
Cộng	38.108.508.198	35.698.438.607	186.160.117	(2.596.229.708)	35.698.438.607	48.863.304.463	41.631.360.115	-	(7.231.944.348)	41.631.360.115

- (i) Các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận theo phương pháp giá gốc và lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính do Luật Kế toán hiện hành chỉ cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	37.960.206.284	38.393.606.284
Phải thu hợp đồng repo cổ phiếu (i)	37.510.206.284	37.510.206.284
<i>Trong đó, các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	<i>37.510.206.284</i>	<i>37.510.206.284</i>
Phải thu bán các TSTC khác	450.000.000	883.400.000
<i>Trong đó, các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.398.927.495	926.721.385
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	567.326.941	567.326.941
<i>Trong đó, phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (xem Thuyết minh số V.5b)</i>	<i>567.326.941</i>	<i>567.326.941</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	831.600.554	359.394.444
c) Trả trước cho người bán	161.770.000	18.250.100
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	129.611.872	43.962.054
Phải thu hoạt động dịch vụ	73.781.872	2.432.054
Phải thu dịch vụ khác	55.830.000	41.530.000
<i>Trong đó, phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp (xem Thuyết minh số V.5c)</i>	<i>41.530.000</i>	<i>41.530.000</i>
e) Các khoản phải thu khác	7.775.628.931	7.080.330.727
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải thu khác	775.628.931	80.330.727
Cộng	<u>47.426.144.582</u>	<u>46.462.870.550</u>

(i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Số tiền góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công ích Miền Nam, thời gian hợp tác đến ngày 20 tháng 10 năm 2017, lãi suất cố định tối thiểu 5%.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	30/6/2017			31/12/2016	
			01/01/2017	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ		30/6/2017
a) Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	37.960.206.284	V.4a	37.960.206.284	-	-	37.960.206.284	37.960.206.284
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284		37.510.206.284	-	-	37.510.206.284	37.510.206.284
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	450.000.000		450.000.000	-	-	450.000.000	450.000.000
b) Dự phòng khó đòi phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	567.326.941	V.4b	567.326.941	-	-	567.326.941	567.326.941
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	79.277.777		79.277.777	-	-	79.277.777	79.277.777
Khách hàng cá nhân	488.049.164		488.049.164	-	-	488.049.164	488.049.164
c) Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	41.530.000	V.4d	41.529.999	-	-	41.529.999	41.529.999
Công ty Cổ phần Khoán sản Hòa Bình	41.530.000		41.529.999	-	-	41.529.999	41.529.999
Cộng	38.569.063.225		38.569.063.224	-	-	38.569.063.224	38.569.063.224

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

	30/06/2017	31/12/2016
a) Ngắn hạn	418.209.443	31.470.404
Chi phí thuê đường truyền dẫn	178.999.990	7.906.516
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	3.308.728	12.343.888
Chi phí quản lý thành viên	39.999.992	-
Các chi phí trả trước ngắn khác	195.900.733	11.220.000
b) Dài hạn	1.131.554.479	1.252.478.577
Chi phí cải tạo văn phòng	724.994.802	760.706.748
Chi phí vật dụng văn phòng	204.299.169	356.141.829
Chi phí thuê đường truyền dẫn	38.855.142	135.630.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	163.405.366	-
Cộng	1.549.763.922	1.283.948.981

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2017	386.100.000	940.454.545	3.544.929.750	4.871.484.295
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
30/6/2017	386.100.000	940.454.545	3.544.929.750	4.871.484.295
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2017	120.656.250	352.670.458	3.487.645.030	3.960.971.738
Tăng trong kỳ	48.262.500	78.371.214	42.966.674	169.600.388
Khấu hao trong kỳ	48.262.500	78.371.214	42.966.674	169.600.388
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
30/6/2017	168.918.750	431.041.672	3.530.611.704	4.130.572.126
Giá trị còn lại				
01/01/2017	265.443.750	587.784.087	57.284.720	910.512.557
30/6/2017	217.181.250	509.412.873	14.318.046	740.912.169
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
01/01/2017	-	-	3.232.979.750	3.232.979.750
30/6/2017	-	-	3.341.279.750	3.341.279.750

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 8 năm.

	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2017
Nguyên giá	7.174.617.564	-	-	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	6.859.004.228	191.719.998	-	7.050.724.226
Giá trị còn lại	315.613.336	(191.719.998)	-	123.893.338
<u>Nguyên giá của TSVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</u>				
Nguyên giá	5.257.417.564			7.013.017.564

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	30/6/2017	31/12/2016
Ký quỹ thuê văn phòng	298.387.800	608.857.560
Ký quỹ sử dụng taxi	8.000.000	8.000.000
Cộng	306.387.800	616.857.560

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.536.309.184	3.447.525.113
Tiền lãi phân bổ trong năm	209.596.965	211.351.995
Tiền lãi nhận được	(85.413.091)	(122.567.924)
Cộng	3.780.493.058	3.656.309.184

11. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong	380.000.000.000	380.000.000.000
Cộng	380.000.000.000	380.000.000.000

Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua bán trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem Thuyết minh số V.1)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2017
Thuế GTGT đầu ra	3.909.091	55.663.876	3.909.091	55.663.876
Thuế thu nhập cá nhân	195.549.797	412.355.507	350.502.326	257.402.978
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>95.540.308</i>	<i>331.906.755</i>	<i>208.225.525</i>	<i>219.221.538</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>100.009.489</i>	<i>80.448.752</i>	<i>142.276.801</i>	<i>38.181.440</i>
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2017
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	199.458.888	471.019.383	357.411.417	313.066.854

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	30/6/2017	31/12/2016
Chi phí dịch vụ chuyên môn	200.500.000	170.500.000
Phí giao dịch, lưu ký	87.318.765	109.404.160
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	100.000.000
Chi phí thù lao HĐQT	150.000.000	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	43.752.487	20.727.541
Chi phí khác	90.000.000	91.800.000
Cộng	571.571.252	492.431.701

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả cổ tức, trái tức	1.816.807.859	1.816.807.859
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty</i>	<i>19.412.500</i>	<i>19.412.500</i>
<i>Phải trả hệ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>1.797.395.359</i>	<i>1.797.395.359</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.002.125.000	1.002.425.000
Cộng	2.818.932.859	2.819.232.859

15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	290.000.000.000	290.000.000.000

Cổ phiếu

	30/6/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(219.460.744.810)	(205.956.521.764)
Lỗ đã thực hiện trong năm/ kỳ	(7.886.012.669)	(10.795.527.446)
Lãi (lỗ) chưa thực hiện trong năm/ kỳ	4.821.874.757	(2.708.695.600)
Lỗ lũy kế cuối năm/ kỳ	<u>(222.524.882.722)</u>	<u>(219.460.744.810)</u>

17. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		
Sàn HNX	1.703.370.000	4.653.370.000
Sàn HOSE	2.901.800.000	1.740.000
Sàn Upcom	665.300.000	756.300.000
Sàn HOSE	-	220.000.000
Cộng	<u>5.270.470.000</u>	<u>5.631.410.000</u>

b) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>14.000.000.000</u>

c) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	421.468.510.000	404.122.200.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	211.758.650.000	211.379.040.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	21.730.400.000	750.900.000
Cộng	<u>654.957.560.000</u>	<u>616.252.140.000</u>

d) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Cổ phiếu	22.445.000.000	2.227.400.000
Cộng	<u>22.445.000.000</u>	<u>2.227.400.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

e) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.592.308.157	19.770.973.450
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>21.518.046.538</i>	<i>19.743.175.885</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>74.261.619</i>	<i>27.797.565</i>
Cộng	<u>21.592.308.157</u>	<u>19.770.973.450</u>

f) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.518.046.538	19.743.175.885
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.261.619	27.797.565
Cộng	<u>21.592.308.157</u>	<u>19.770.973.450</u>

g) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	<u>1.797.395.359</u>	<u>1.797.395.359</u>
---	----------------------	----------------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I	Lãi bán						
	<i>Loại FVTPL</i>			9.078.398.100	8.550.653.783	261.771.746	265.972.571
	ACB	120.000	24.083	2.890.000.000	2.735.000.000	155.000.000	-
	HAG	90.000	8.668	780.161.600	768.881.250	11.280.350	-
	HTI	115.000	22.930	2.636.922.500	2.546.431.104	90.491.396	-
	HNG	50.000	11.100	555.000.000	550.000.000	5.000.000	-
	BFC	73.190	30.258	2.214.614.000	1.948.970.000	-	265.644.000
	DHG	20	85.000	1.700.000	1.371.429	-	328.571
	Cộng			9.078.398.100	8.550.653.783	261.771.746	265.972.571
II	Lỗ bán						
	<i>Loại FVTPL</i>			17.019.610.000	24.764.449.643	(4.688.129.643)	(3.056.710.000)
	ACB	100.000	22.500	2.250.000.000	2.454.000.000	(204.000.000)	-
	HTI	5.000	22.100	110.500.000	110.714.396	(214.396)	-
	PVB	295.000	11.006	3.246.680.000	7.665.580.900	(4.418.900.900)	-
	VLC	59.100	16.440	971.630.000	1.010.394.347	(38.764.347)	-
	HNG	50.000	10.100	505.000.000	531.250.000	(26.250.000)	-
	PVB	500.000	19.872	9.935.800.000	12.992.510.000	-	(3.056.710.000)
	Cộng			17.019.610.000	24.764.449.643	(4.688.129.643)	(3.056.710.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số sổ kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	23.380.598.271	20.970.528.680	(2.410.069.591)	(7.231.944.348)	4.821.874.757	4.852.225.217	(30.350.460)
1	Cổ phiếu niêm yết	9.080.598.271	6.700.528.680	(2.380.069.591)	(7.231.944.348)	4.851.874.757	4.852.225.217	(350.460)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	14.300.000.000	14.270.000.000	(30.000.000)	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
II	Loại HTM	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay	727.909.927	727.909.927	-	-	-	-	-
	Cộng	38.108.508.198	35.698.438.607	(2.410.069.591)	(7.231.944.348)	4.821.874.757	4.852.225.217	(30.350.460)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Từ tài sản tài chính FVTPL	42.303.000	40.132.600
Từ các khoản đầu tư HTM	872.228.773	1.144.728.120
Từ các khoản cho vay	95.664.466	4.606.208
Cộng	1.010.196.239	1.189.466.928

4. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.412.478.652	811.892.968
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	160.541.927	170.060.495
Doanh thu hoạt động tư vấn	401.363.636	184.676.724
Doanh thu khác	20.440.462	8.417.728
Cộng	1.994.824.677	1.175.047.915

5. Chi phí các dịch vụ khác

Chi phí hoạt động tự doanh	643.422.170	820.813.643
Chi phí môi giới chứng khoán	1.779.122.249	1.814.850.616
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	131.495.976	248.637.902
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	363.685.158	152.374.941
Cộng	2.917.725.553	3.036.677.102

6. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	354.364.802	271.686.412
Cộng	354.364.802	271.686.412

7. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	1.941.986.072	1.978.591.277
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	163.484.000	202.944.000
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	8.176.342	36.418.487
Chi phí công cụ, dụng cụ	226.601.591	243.288.627
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.554.420	303.170.458
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.282.209	2.910.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.911.383	1.598.581.352
Chi phí khác	160.718.567	174.675.657
Cộng	3.767.714.584	4.540.580.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Thu nhập khác	142.717.104	1.687.852
Thu thanh lý CCDC	74.119.196	-
Doanh thu cho thuê xe	63.155.908	-
Thu nhập khác	5.442.000	1.687.852
Chi phí khác	276.317.457	260.850
Chi phí nhượng bán, thanh lý CCDC	42.391.683	-
Chi phí cho thuê xe	78.371.214	-
Chi phí khác	155.554.560	260.850
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(133.600.353)	1.427.002

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
<i>Điều chỉnh lợi nhuận (lỗ) kế toán:</i>	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

10. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(128)	(204)
b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(3.064.137.912)	(4.888.935.132)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	(128)	(204)
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng	30/6/2017	31/12/2016
Tiền gửi kỳ hạn ngân hàng quá hạn (xem Thuyết minh V.1)	380.000.000.000	380.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Trong vòng 1 năm	1.116.093.600	2.435.430.240
Từ năm thứ 2 tới năm thứ 5	71.736.300	1.522.143.900
Cộng	<u>1.187.829.900</u>	<u>3.957.574.140</u>

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Thu nhập	632.540.000	581.420.000
Cộng	<u>632.540.000</u>	<u>581.420.000</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các khoản phải thu, và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả giao dịch chứng khoán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	401.188.596.234	398.845.436.896
Các tài sản tài chính FVTPL	20.970.528.680	20.448.047.820
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	14.000.000.000	21.000.000.000
Các khoản cho vay	727.909.927	183.312.295
Các khoản phải thu	8.695.311.358	7.875.557.226
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	306.387.800	616.857.560
Cộng	<u>445.888.733.999</u>	<u>448.969.211.797</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phải trả	437.818.765	379.904.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.818.932.859	2.819.232.859
Cộng	<u>383.256.751.624</u>	<u>383.199.137.019</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro chủ yếu khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 6.700.528.680 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 670.052.868 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Các khoản ứng trước cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính đã lập dự phòng tại Thuyết minh số V.5, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này điều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Ngoại trừ khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát sinh từ năm 2011 (xem Thuyết minh số V.1), Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.188.596.234	380.000.000.000	-	401.188.596.234
Các tài sản tài chính FVTPL	20.970.528.680	-	-	20.970.528.680
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Các khoản cho vay	727.909.927	-	-	727.909.927
Các khoản phải thu cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	306.387.800	-	306.387.800
Cộng	65.582.346.199	380.306.387.800	-	445.888.733.999
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	380.000.000.000	-	380.000.000.000
Chi phí phải trả	437.818.765	-	-	437.818.765
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.818.932.859	-	-	2.818.932.859
Cộng	3.256.751.624	380.000.000.000	-	383.256.751.624
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.325.594.575	306.387.800	-	62.631.982.375

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.845.436.896	380.000.000.000	-	398.845.436.896
Các tài sản tài chính FVTPL	20.448.047.820	-	-	20.448.047.820
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
Các khoản cho vay	183.312.295	-	-	183.312.295
Các khoản phải thu	7.875.557.226	-	-	7.875.557.226
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	616.857.560	-	616.857.560
Cộng	68.352.354.237	380.616.857.560	-	448.969.211.797
				-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	380.000.000.000	-	380.000.000.000
Chi phí phải trả	379.904.160	-	-	379.904.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.819.232.859	-	-	2.819.232.859
Cộng	3.199.137.019	380.000.000.000	-	383.199.137.019
Chênh lệch thanh khoản thuần	65.153.217.218	616.857.560	-	65.770.074.778

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Thay đổi chính sách kế toán

Theo Luật Kế toán Việt Nam số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tại khoản 1, Điều 6 của Luật kế toán 2015 nêu rõ: "Giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận ban đầu theo giá trị gốc. Sau đó, đối với một số loại tài sản hoặc nợ phải trả mà giá trị biến động thường xuyên theo giá thị trường và giá trị của chúng có thể xác định lại một cách đáng tin cậy thì được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính". Vì vậy, trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán theo giá trị hợp lý.

6. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi tiết như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	31/12/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2016 (Được trình bày lại)
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	41.448.047.820	(21.000.000.000)	20.448.047.820
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	21.000.000.000	21.000.000.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Được trình bày lại)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	4.523.467.342	(492.987.800)	4.030.479.542
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1.184.860.720	(1.144.728.120)	40.132.600
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	1.144.728.120	1.144.728.120
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	4.139.436.200	(492.987.800)	3.646.448.400

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Được trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
- Các khoản dự phòng	(2.500.000.000)	(5.632.272.800)	(3.132.272.800)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(4.877.358.571)	(4.997.358.571)	(120.000.000)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.348.799.998	4.403.160.956	3.054.360.958
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	(2.086.324.426)	(1.966.324.426)	120.000.000
- Tăng (giảm) các tài sản khác	(49.681.150)	216.639.473	266.320.623
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	-	(325.959.893)	(325.959.893)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	-	(266.320.623)	(266.320.623)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	(Đã được trình bày trước đây)		(Được trình bày lại)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	-	(331.143.000)	(331.143.000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	(1.159.154.714)	(20.006.961)	1.139.147.753
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ			
- Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	401.000.000.000	380.000.000.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			
- Các khoản tương đương tiền	<u>15.000.000.000</u>	<u>395.000.000.000</u>	<u>380.000.000.000</u>

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ